

LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

1. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi phát sinh tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép. 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có trách nhiệm tổ chức giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, chứng cứ có liên quan và có nghĩa vụ tham gia giải quyết tranh chấp. Kết quả giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản. 3. Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc giải quyết tranh chấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) ra quyết định giải quyết tranh chấp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	Hai mươi hai phẩy lăm (22,5) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giải quyết tranh chấp
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa)

2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

3. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông)

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Nội dung đề nghị

Đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Loại hình tranh chấp:

☐ Tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.

☐ Tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông.

- Các bên liên quan:

- Mô tả chi tiết về tranh chấp:.....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Các chứng cứ, tài liệu có liên quan (liệt kê tên từng chứng cứ, tài liệu nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi phát sinh tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép. 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có trách nhiệm tổ chức giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, chứng cứ có liên quan và có nghĩa vụ tham gia giải quyết tranh chấp. Kết quả giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản. 3. Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc giải quyết tranh chấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) ra quyết định giải quyết tranh chấp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Hai mươi hai phẩy lăm (22,5) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không

hiện thủ tục hành chính	có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi cấp giấy phép cho doanh nghiệp
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giải quyết tranh chấp
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa)

2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

3. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông)

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Nội dung đề nghị

Đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Loại hình tranh chấp:

- ☐ Tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.
- ☐ Tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông.

- Các bên liên quan:

- Mô tả chi tiết về tranh chấp:.....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Các chứng cứ, tài liệu có liên quan (liệt kê tên từng chứng cứ, tài liệu nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

3. Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp viễn thông (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông phải gửi hồ sơ thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi triển khai mạng viễn thông ít nhất 30 ngày trước ngày dự định ngừng kinh doanh. 2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả tài nguyên viễn thông đã được phân bổ đối với dịch vụ hoặc phần dịch vụ ngừng kinh doanh (nếu có). 4. Trường hợp phải sửa đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do ngừng kinh doanh dịch vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc sửa đổi, bổ sung giấy phép theo quy định.
---------------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Không có
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi triển khai mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Không có
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 02 - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
---------------------------------------	--

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO NGỪNG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹ số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ..., đăng ký thay đổi lần thứ ...ngày....

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (*giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông*)

6. Dịch vụ ngừng kinh doanh, thời gian bắt đầu ngừng kinh doanh, lý do ngừng kinh doanh, phạm vi ngừng kinh doanh.

7. Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan.

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

¹ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị ngừng kinh doanh không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước liên quan đến giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

4. Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp viễn thông (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông phải gửi hồ sơ thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi triển khai mạng viễn thông ít nhất 30 ngày trước ngày dự định ngừng kinh doanh. 2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả tài nguyên viễn thông đã được phân bổ đối với dịch vụ hoặc phần dịch vụ ngừng kinh doanh (nếu có). 4. Trường hợp phải sửa đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do ngừng kinh doanh dịch vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc sửa đổi, bổ sung giấy phép theo quy định.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính;

	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Không có
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi cấp giấy phép cho doanh nghiệp
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Không có
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 02 - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO NGỪNG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

- 1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
- 2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
- 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư² số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ..., đăng ký thay đổi lần thứ ...ngày....
- 4. Điện thoại: Fax: Website
- 5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (*giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng*) số...do...cấp ngày... tháng... năm):
- 6. Dịch vụ ngừng kinh doanh, thời gian bắt đầu ngừng kinh doanh, lý do ngừng kinh doanh, phạm vi ngừng kinh doanh.
- 7. Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan.

Phần 2. Tài liệu kèm theo

- 1.
- 2.

Phần 3. Cam kết

² Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị ngừng kinh doanh không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước liên quan đến giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

5. Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông phải gửi hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp trong vòng 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện công khai thông tin về các doanh nghiệp viễn thông đã hoàn thành việc đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao giấy chứng nhận đăng ký để phối hợp trong công tác quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong đó kê khai các thông tin về dịch vụ viễn thông cung cấp, cam kết đáp ứng các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	Hai phẩy lăm (2,5) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 03 - Đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông Mẫu số 04 - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...
ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư³
số: ... do ... cấp ngày ...tháng...năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Thông tin về dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (nếu có)

a) Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp (mô tả chi tiết dịch vụ);

b) Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước).

2. Mô tả thông tin về hạ tầng trung tâm dữ liệu dự kiến thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ

³ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

a) Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác;

b) Thông tin chi tiết về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu, quản lý hoặc đi thuê được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: quy mô (diện tích mặt sàn), năng lực lưu trữ, xử lý (số lượng máy chủ, số lượng tủ Rack), mức tiêu thụ điện năng (công suất tiêu thụ điện - MW), chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE).

3. Thông tin về kết nối Internet của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp sở hữu, quản lý bao gồm: dung lượng kết nối (kết nối trong nước, kết nối quốc tế); tên doanh nghiệp viễn thông cung cấp đường truyền kết nối Internet (nếu không tự thiết lập đường truyền).

4. Mô tả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng trung tâm dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khác mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; mô tả các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) mà doanh nghiệp cung cấp.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật, nghiệp vụ dự kiến áp dụng.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GCN-KHCN

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...

Cấp lại lần ..., ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.....tháng..... năm.... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo những quy định sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Đã đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

a) Tên dịch vụ viễn thông cung cấp:

b) Hạ tầng trung tâm dữ liệu thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ:

Các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác.

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 29 Luật Viễn thông và Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

2. Bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong quá trình cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

6. Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị

Trình tự thực hiện	1. Trước khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp đồng thời dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu thì không cần thực hiện thủ tục thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông riêng mà thông báo thông tin về dịch vụ điện toán đám mây trong Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và được cung cấp dịch vụ điện toán đám mây sau khi đã hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hợp lệ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp biết trong vòng 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thực hiện công khai thông tin về các tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành việc thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông; đồng thời thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để phối hợp trong công tác quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp đồng thời dịch vụ

	điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu, thành phần hồ sơ gồm Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Một phẩy lăm (1,5) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Công khai thông tin về các tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành việc thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 03 - Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông Mẫu số 05 - Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ...tháng...năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Thông tin về dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (nếu có)

a) Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp (mô tả chi tiết dịch vụ);

b) Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước).

2. Mô tả thông tin về hạ tầng trung tâm dữ liệu dự kiến thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ

⁴ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

a) Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác;

b) Thông tin chi tiết về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu, quản lý hoặc đi thuê được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: quy mô (diện tích mặt sàn), năng lực lưu trữ, xử lý (số lượng máy chủ, số lượng tủ Rack), mức tiêu thụ điện năng (công suất tiêu thụ điện - MW), chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE).

3. Thông tin về kết nối Internet của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp sở hữu, quản lý bao gồm: dung lượng kết nối (kết nối trong nước, kết nối quốc tế); tên doanh nghiệp viễn thông cung cấp đường truyền kết nối Internet (nếu không tự thiết lập đường truyền).

4. Mô tả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng trung tâm dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khác mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; mô tả các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) mà doanh nghiệp cung cấp.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật, nghiệp vụ dự kiến áp dụng.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) đề nghị thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp chữ in hoa: (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam; tên theo giấy tờ pháp lý thành lập đối với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam; địa chỉ nơi đăng ký hoạt động đối với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam)

.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁵ số: ... do ...cấp ngày ... tháng... năm ... tại (đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam)

⁵ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Loại hình dịch vụ viễn thông cung cấp (mô tả chi tiết loại hình dịch vụ). Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, tổ chức, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước) đối với trường hợp doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ điện toán đám mây hoặc trường hợp tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Mô tả thông tin về hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông.

a) Trường hợp doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ dịch vụ điện toán đám mây; tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam, mô tả các thông tin sau: Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam (nếu có) được sử dụng để cung cấp dịch vụ điện toán đám mây bao gồm: địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác.

b) Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông khác ngoài trường hợp tại điểm a khoản này.

- Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông;

- Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

- Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

3. Mô tả thông tin về chất lượng, giá dịch vụ

- Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ.

- Mô tả cụ thể các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) đối với từng dịch vụ cung cấp khi cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu.

- Công bố thông tin về chất lượng dịch vụ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 28 Luật Viễn thông khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet.

- Thông tin về giá dịch vụ khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet.

4. Mô tả thông tin về đầu mối liên hệ trong quá trình cung cấp dịch vụ viễn thông đối với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam

- Tên tổ chức, cá nhân đại diện liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông:

- Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):

- Email:

- Điện thoại liên hệ:.....

Phần 3. Cam kết

(Tên, tổ chức doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

7. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
---------------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i>

	- <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 06

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁶ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)*

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định

⁶ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 07

**TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

- a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
- b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
- đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
- e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
- g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
- h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
- b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/ CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng

k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
 - b) Loại hình dịch vụ cung cấp
 - c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
 - d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ
 - đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
 - e) Thuê kênh và kết nối
 - g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
 - h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
 - i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

8. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.
--------------------	--

	Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp

	giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai

	mạng viễn thông. Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁷ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số

⁷ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

5. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

7. Phân tích năng lực của công ty.

8. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

4. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

4. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

5. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

6. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

- d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
- đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
- e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
- g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

c) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

d) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

e) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- g) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

d) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

e) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

f) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

e) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

f) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

g) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

h) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
**CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/
CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ

- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ
- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
- e) Thuê kênh và kết nối
- g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

9. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong các thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy
--------------------	---

	ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy ngày làm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> <i>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí</i>

	<i>cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁸ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

⁸ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp
đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

10. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp
--------------------	---

	quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i>

	- <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

9. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

10. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

11. Phân tích năng lực của công ty.

12. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

7. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

8. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

9. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

7. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

8. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

9. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

- d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
- đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
- e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
- g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

e) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

f) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

i) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

j) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

k) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

l) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

g) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

h) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

i) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

i) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

j) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

k) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

l) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁹ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

4.

5.

6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

⁹ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

.....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 14
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

11. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong các thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn
--------------------	---

	bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. (Khoản 4 Điều 39 Luật Viễn thông)
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁰ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

¹⁰ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp
đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

12. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy
---------------------------	--

	ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy ngày làm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	- <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

13. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

14. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

15. Phân tích năng lực của công ty.

16. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

10. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

11. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

12. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

10. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

11. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

12. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

- d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
- đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
- e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
- g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

g) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

h) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

m) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

n) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

o) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

p) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

j) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

k) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

l) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

m) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

n) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

o) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

p) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹¹
số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ...
ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

¹¹ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp
đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

13. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

thực hiện	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động</i>

	<i>viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> <i>- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 15 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ

	<i>phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹² số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

¹² Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

14. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 15 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu,	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép

điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹³
số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ...
tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

¹³ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

15. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho
---------------------------	--

	doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Phí: không có.</i> <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện

	đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁴
số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ...
ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

¹⁴ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

17. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

18. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

19. Phân tích năng lực của công ty.

20. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

13. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

14. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

15. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

13. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

14. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

15. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

- d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
- đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
- e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
- g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng ... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

i) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

j) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

q) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

r) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

s) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

t) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

m) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

n) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

o) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

q) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

r) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

s) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

t) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG**

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

16. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính;

	- Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Bảy phẩy lăm (7,5) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025

có)	<i>của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1000.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 08 - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên. Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông</i>

	<i>và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁵ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

¹⁵ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

21. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

22. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

23. Phân tích năng lực của công ty.

24. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

16. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

17. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

18. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

16. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/Số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

17. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

18. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rút vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

a) Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

b) Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

c) Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

d) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

đ) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

e) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

g) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

h) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

c) Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

d) Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

đ) Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

e) Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

g) Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

I. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

k) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

l) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

u) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

v) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

w) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

x) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

II. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

p) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

q) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

r) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

u) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

v) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

w) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

x) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

17. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

	theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i> - <i>Lệ phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 16

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁶ số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

¹⁶ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):

6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

18. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

	Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố thành phố trực thuộc trung ương của UBND cấp tỉnh.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i> - <i>Lệ phí: không.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm

	2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	---

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu số 16

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹⁷
số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):

6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

¹⁷ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

19. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ; 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động cho tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao Giấy chứng nhận để phối hợp trong công tác quản lý. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do và quy định pháp luật có liên quan.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 18 tại Phụ lục này trong trường hợp cấp mới do Giấy chứng nhận đăng ký kết nối hết thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc không còn hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 17 - Đơn đề nghị đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động Mẫu số 19 - Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Là tổ chức, doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; - Có nội dung thông tin bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 43 Điều 3 và khoản 2 Điều 70 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; có phương án cung cấp dịch vụ và cam kết bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động quy định tại Điều 74 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ CUNG
CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG
VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động như sau:

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ (Ghi bằng chữ in hoa)
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Tình trạng hoạt động:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: Fax: Website: Thư điện tử:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

2. Mô tả đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

- a) Thông tin doanh nghiệp viễn thông di động dự kiến kết nối.

b) Thông tin kết nối, gồm: sơ đồ kết nối; dung lượng kết nối; cấu hình hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ; địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ; phương thức cung cấp dịch vụ; phương thức đăng ký dịch vụ; mã, số viễn thông dự kiến sử dụng.

c) Phương án đảm bảo chất lượng dịch vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

d) Thông tin về dịch vụ dự kiến cung cấp tên dịch vụ; mô tả dịch vụ; danh mục cú pháp; gói dịch vụ và giá cước từng gói dịch vụ; hình thức tra cứu lịch sử các giao dịch trừ cước và miễn phí truy vấn thông tin dịch vụ.

đ) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp: họ tên; chức danh; số điện thoại liên lạc.

e) Thời hạn đề nghị cấp giấy chứng nhận: (không quá 05 năm).

3. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các tài liệu kèm theo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các quy định tại Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Tài liệu kèm theo:

-
-

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 19

**ỦY BAN NHÂN DÂN ...
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

Số: /GCN-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN
TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày tháng năm

Cấp sửa đổi/bổ sung lần, ngày tháng năm (nếu có)

Cấp gia hạn ngày tháng năm (nếu có)

Cấp lại ngày tháng năm (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số /QĐ- QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của (tên tổ chức, doanh nghiệp);

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Người đại diện theo pháp luật:

Được kết nối vào mạng viễn thông di động để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin theo các quy định sau:

1. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động kết nối:

2. Thông tin về dịch vụ cung cấp tên dịch vụ:

3. Phương thức cung cấp dịch vụ:

4. Phương thức đăng ký dịch vụ:

5. Mã, số viễn thông sử dụng để cung cấp dịch vụ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Cam kết bảo đảm đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình kết nối cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp dịch vụ nội dung thông tin thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có Giấy phép, Quyết định, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp Giấy phép, cấp Quyết định, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- Lưu: VT,

(Ký tên đóng dấu/ký số)

20. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao Giấy chứng nhận để phối hợp trong công tác quản lý. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh có liên quan về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu

thủ tục hành chính	được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 19 - Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động Mẫu số 20 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày tháng năm

Cấp sửa đổi/bổ sung lần, ngày tháng năm (nếu có)

Cấp gia hạn ngày tháng năm (nếu có)

Cấp lại ngày tháng năm (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số /QĐ- QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét đề nghị của (tên tổ chức, doanh nghiệp);

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Người đại diện theo pháp luật:

Được kết nối vào mạng viễn thông di động để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin theo các quy định sau:

1. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động kết nối:
2. Thông tin về dịch vụ cung cấp tên dịch vụ:
3. Phương thức cung cấp dịch vụ:
4. Phương thức đăng ký dịch vụ:
5. Mã, số viễn thông sử dụng để cung cấp dịch vụ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Cam kết bảo đảm đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình kết nối cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp dịch vụ nội dung thông tin thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có Giấy phép, Quyết định, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi đã được cơ quan quản lý

nhà nước chuyên ngành cấp Giấy phép, cấp Quyết định, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Nơi nhận:

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên đóng dấu/ký số)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN
TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động như sau:

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ (Ghi bằng chữ in hoa)
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Tình trạng hoạt động:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: Fax: Website: Thư điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

2. Thông tin đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động: Giấy chứng nhận số.... cấp ngày ... tháng... năm ...

- Thông tin đề nghị sửa đổi, bổ sung:

3. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các tài liệu kèm theo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các quy định tại Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Tài liệu kèm theo:

-;

-

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

21. Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

Trình tự thực hiện	1. Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký kết nối hết hạn, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy chứng nhận phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thẩm định, cấp gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao Giấy chứng nhận để phối hợp trong công tác quản lý. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 21 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu

thủ tục hành chính	được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 19 - Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động Mẫu số 21 - Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GCN-.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN
TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày tháng năm

Cấp sửa đổi/bổ sung lần, ngày tháng năm (nếu có)

Cấp gia hạn ngày tháng năm (nếu có)

Cấp lại ngày tháng năm (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ- QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của (tên tổ chức, doanh nghiệp);

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Người đại diện theo pháp luật:

Được kết nối vào mạng viễn thông di động để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin theo các quy định sau:

1. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động kết nối:
2. Thông tin về dịch vụ cung cấp tên dịch vụ:
3. Phương thức cung cấp dịch vụ:
4. Phương thức đăng ký dịch vụ:
5. Mã, số viễn thông sử dụng để cung cấp dịch vụ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Cam kết bảo đảm đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình kết nối cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp dịch vụ nội dung thông tin thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có Giấy phép, Quyết định, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp Giấy phép, cấp Quyết định, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Nơi nhận:

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên đóng dấu/ký số)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ
CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG
VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động như sau:

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ (Ghi bằng chữ in hoa)
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Tình trạng hoạt động:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: Fax: Website: Thư điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

2. Thông tin đề nghị gia hạn:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động: Giấy chứng nhận số cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Lý do đề nghị gia hạn

- Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

- Hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Giấy chứng nhận đề nghị được gia hạn:

STT	Tên dịch vụ	Mã số viễn thông	Phương thức đăng ký	Phương thức cung cấp	Doanh nghiệp viễn thông kết nối tới	Số lượng khiếu nại	Doanh thu	Trạng thái (đang hoạt động/dừng hoạt động)	Ghi chú
1									
2									
...									

3. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các tài liệu kèm theo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các quy định tại Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Tài liệu kèm theo:

-;
-

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

22. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp có Giấy chứng nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 3. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao Giấy chứng nhận để phối hợp trong công tác quản lý. Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 23 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu

thủ tục hành chính	được ủy quyền) nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 19 - Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động Mẫu số 23 - Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GCN-.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN
TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG

(Có giá trị đến hết ngày tháng năm)

Cấp lần đầu ngày tháng năm

Cấp sửa đổi/bổ sung lần, ngày tháng năm (nếu có)

Cấp gia hạn ngày tháng năm (nếu có)

Cấp lại ngày tháng năm (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ- QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của (tên tổ chức, doanh nghiệp);

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Người đại diện theo pháp luật:

Được kết nối vào mạng viễn thông di động để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin theo các quy định sau:

1. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động kết nối:
2. Thông tin về dịch vụ cung cấp tên dịch vụ:
3. Phương thức cung cấp dịch vụ:
4. Phương thức đăng ký dịch vụ:
5. Mã, số viễn thông sử dụng để cung cấp dịch vụ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Cam kết bảo đảm đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình kết nối cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp dịch vụ nội dung thông tin thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có Giấy phép, Quyết định, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp Giấy phép, cấp Quyết định, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Nơi nhận:

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên đóng dấu/ký số)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI
ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG VIỄN
THÔNG DI ĐỘNG**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động như sau:

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ (Ghi bằng chữ in hoa)

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt:

- Tình trạng hoạt động:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại: Fax: Website: Thư điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp tại:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động: Giấy chứng nhận số cấp ngày ... tháng ... năm...

- Lý do đề nghị cấp lại:

- ☐ Bị mất
- ☐ Bị rách
- ☐ Bị cháy
- ☐ Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ)

- Hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Giấy chứng nhận đề nghị được cấp lại:

STT	Tên dịch vụ	Mã số viễn thông	Phương thức đăng ký	Phương thức cung cấp	Doanh nghiệp viễn thông kết nối tới	Số lượng khiếu nại	Doanh thu	Trạng thái (đang hoạt động/dừng hoạt động)	Ghi chú
1									
2									
...									

3. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các tài liệu kèm theo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các quy định tại Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- Như trên;
- Lưu:

CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Tài liệu kèm theo:

-;
-Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

23. Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H nộp hồ sơ đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền). 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thẩm định, ban hành quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H. Trường hợp từ chối phân bổ số thuê bao di động H2H, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H theo Mẫu số 24 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền)
Kết quả thực hiện	Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương

thủ tục hành chính	thức đấu giá
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 24 - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá Mẫu số 25 - Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H
THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ

Kính gửi:

1. Thông tin tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Họ tên:Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có)

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên:Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H.

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

--	--	--

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động trúng đấu giá: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Trường hợp là cá nhân: Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước;

3.2 Trường hợp là tổ chức, doanh nghiệp:

Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp); bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

3.3 Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai *(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân)* xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN

(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhântại Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá cho (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu

tư/Quyết định thành lập số.... (đối với tổ chức, doanh nghiệp), có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....(đối với cá nhân) như sau:

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 998/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

Điều 2. (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có trách nhiệm trong việc sử dụng số thuê bao di động H2H trúng đấu giá được phân bổ như sau:

1. Sử dụng số thuê bao di động trúng đấu giá theo đúng pháp luật về Quy hoạch kho số viễn thông và Quy định về quản lý kho số viễn thông.

2. Nộp lệ phí phân bổ số thuê bao di động H2H trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) phải hoà mạng sử dụng dịch vụ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

4. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông có liên quan đưa số thuê bao di động H2H vào sử dụng.

5. Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ khi không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, và Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc (tên cá nhân) và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

24. Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá; 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả số thuê bao di động H2H, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không chấp nhận.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H theo Mẫu số 26 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H; - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Người trúng được phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ (nếu

thủ tục hành chính	được ủy quyền) nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 26 - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá Mẫu số 27 - Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H
PHÂN BỐ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Tôi là:Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có).

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên:Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có).

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H

STT	Số thuê bao di động H2H (1)	Quyết định phân bổ (2)	
		Số	Ngày tháng năm
1			
2			

...			
-----	--	--	--

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Bản sao Quyết định phân bổ mã, số viễn thông.

3.2 Việc chấp hành quy định sử dụng số thuê bao di động H2H và giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả số thuê bao di động (nếu có).

(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả số thuê bao di động H2H trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN**

(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-KHCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H
phân bổ theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhântại Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận việc *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... *(đối với Tổ chức, doanh nghiệp)*, có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....*(đối với cá nhân)* hoàn trả số thuê bao di động H2H sau:

TT	Số thuê bao di động H2H	Số lượng	Quyết định phân bổ		Ghi chú
			Số	Ngày/tháng/năm	

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có trách nhiệm:

1. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông di động có liên quan ngừng việc khai thác mã, số viễn thông nêu trên kể từ ngày chấp nhận hoàn trả.
2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Thanh toán đầy đủ các khoản lệ phí, phí sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật tính đến ngày chấp nhận hoàn trả số thuê bao di động H2H nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc tên cá nhân* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Lưu: VT.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)